

HƯỚNG DẪN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THEO THÔNG TƯ 12/2017/TT-BGDĐT TIÊU CHUẨN 25: KẾT QUẢ TÀI CHÍNH VÀ THỊ TRƯỜNG

Giải thích:

Kết quả tài chính và thị trường giáo dục của cơ sở giáo dục nên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. Các chỉ số và kết quả tài chính có thể bao gồm, nhưng không giới hạn: các bảng cân đối tài chính, công bố thu nhập/chi tiêu, lợi nhuận đầu tư và phân tích các tỷ lệ.

Các chỉ số và kết quả của thị trường giáo dục có thể bao gồm, nhưng không giới hạn ở bảng xếp hạng cạnh tranh quốc gia và quốc tế, quy mô thị trường hoặc thị phần, giải thưởng, và sự hài lòng của các bên liên quan.

Tiêu chí	25.1	25.2
Tiêu chí (theo TT12) (1)	TC 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	TC 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.
Mô tả yêu cầu của tiêu chí theo công văn 1668 (2)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập. 2. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được giám sát. 3. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được đối sánh để cải tiến. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập. 2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được giám sát. 3. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được đối sánh để cải tiến.
Mốc chuẩn tham chiếu tối thiểu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4 theo công văn 1668 (3)	<ol style="list-style-type: none"> 1. CSGD có quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 2. Có hệ thống giám sát về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 3. Có thực hiện đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; thực hiện rà soát, điều chỉnh kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm. 4. Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 5. Có kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 6. Có CSDL đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. CSGD có quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số thị trường giáo dục (chỉ số cạnh tranh, thứ hạng, thị phần...) của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 2. Có hệ thống giám sát về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 3. Có thực hiện đối sánh về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; thực hiện rà soát, điều chỉnh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm. 4. Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 5. Có kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 6. Có CSDL đánh giá về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.
Gợi ý nguồn minh chứng theo công văn 1668 (4)	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch, chiến lược phát triển của CSGD, trong đó có xác lập kết quả và các chỉ số về tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - Văn bản quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng*. - Báo cáo về kết quả hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm (trong 5 năm của chu kỳ đánh giá)*. - Báo cáo về tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm (trong 5 năm của chu kỳ đánh giá). - Văn bản quy định (quy trình, phương pháp, công cụ, hướng dẫn) về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch, chiến lược phát triển của CSGD, trong đó có xác định kết quả và các chỉ số về thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - Văn bản quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng*. - Văn bản thể hiện hệ thống giám sát về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng*. - Báo cáo thực hiện đối sánh về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; thực hiện rà soát, điều chỉnh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm (trong 5 năm của chu kỳ đánh giá)*. - Báo cáo về kết quả hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm (trong 5 năm của chu kỳ đánh giá). - Báo cáo về thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm

© Bản quyền thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHQGHN

Tiêu chí	25.1	25.2
	<ul style="list-style-type: none"> - CSDL về kết quả của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng*. - Hệ thống giám sát về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh; các quyết định điều chỉnh về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - Các quyết định, kết luận, các đầu tư của CSGD thể hiện sự cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - Bản đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 	<p>(trong 5 năm của chu kỳ đánh giá).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản quy định (quy trình, phương pháp, công cụ, hướng dẫn) về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) đánh giá về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - CSDL về kết quả của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - Hệ thống giám sát về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh; các quyết định điều chỉnh về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; - Các quyết định, kết luận, đầu tư dựa trên thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng thể hiện sự cải tiến chất lượng của CSGD. - Bản đối sánh về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.
<p>Văn bản pháp quy của Nhà nước, Bộ GDĐT, đơn vị chủ quản và văn bản của nhà trường mà chuyên gia cần tham chiếu (5)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giáo dục số 38/2005/QH11, được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 74/2014/QH13, số 97/2015/QH13 - Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 - Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 74/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13 và Luật sửa đổi bổ sung số điều của tại Luật số: 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. - Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. - Điều lệ trường Đại học ban hành theo Quyết định của TTg CP số: 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10 tháng 12 năm 2014; - Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy, tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành tại Thông tư số: 09/2020/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 5 năm 2020 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 6 năm 2020 ban hành. Trước đó là Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Quy chế trên như: 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2018; 02/2019/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2019 và các nội dung liên quan đến tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học (số 06/2017/TT-BGDĐT), tuyển sinh để đào tạo cấp bằng tốt nghiệp thứ 2 trình độ đại học tại TT số 10/2018/TT-BGDĐT đã được TT này thay thế). - Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành tại Thông tư số: 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ GDĐT. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giáo dục số 38/2005/QH11, được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 74/2014/QH13, số 97/2015/QH13 - Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 - Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 74/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13 và Luật sửa đổi bổ sung số điều của tại Luật số: 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. - Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. - Điều lệ trường Đại học ban hành theo Quyết định của TTg CP số: 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10 tháng 12 năm 2014; - Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy, tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành tại Thông tư số: 09/2020/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 5 năm 2020 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 6 năm 2020 ban hành. Trước đó là Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Quy chế trên như: 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2018; 02/2019/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2019 và các nội dung liên quan đến tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học (số 06/2017/TT-BGDĐT), tuyển sinh để đào tạo cấp bằng tốt nghiệp thứ 2 trình độ đại học tại TT số 10/2018/TT-BGDĐT đã được TT này thay thế). - Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành tại Thông tư số: 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ GDĐT.

© Bản quyền thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHQGHN

Tiêu chí	25.1	25.2
<p>Thông tin hỗ trợ đánh giá (từ dữ liệu Báo cáo Tự đánh giá và các Bảng biểu do Nhà trường và Trung tâm KĐCLGD cung cấp) (6)</p>	<p>- Dữ liệu thống kê về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng</p> <p>- Các biểu đồ, bảng biểu biểu diễn kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng</p> <p>- Các bộ phận tham gia vào hệ thống giám sát về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; bộ phận đầu mối; quy trình thực hiện</p> <p>- Thông tin/dữ liệu đối sánh</p>	<p>- Dữ liệu thống kê về kết quả và các chỉ số đạt được của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng</p> <p>- Các biểu đồ, bảng biểu biểu diễn kết quả và các chỉ số đạt được của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng</p> <p>- Các bộ phận tham gia vào hệ thống giám sát về kết quả và các chỉ số của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; bộ phận đầu mối; quy trình thực hiện</p> <p>- Thông tin/dữ liệu đối sánh</p>
<p>Rubric Indicators Các câu hỏi chẩn đoán ứng với mô tả tiêu chí (thiết kế theo P-D-C-A) (7)</p>	<p>1. Nhà trường có quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng không?</p> <p>2. Kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng trong 5 năm đánh giá là gì? Xu hướng của các kết quả đó? Những yếu tố nào ảnh hưởng đến xu hướng này?</p> <p>3. Nhà trường có hệ thống giám sát về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng không? Hệ thống đó bao gồm những bộ phận nào? Quy trình giám sát như thế nào?</p> <p>4. Nhà trường có thực hiện đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; thực hiện rà soát, điều chỉnh kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm không? Kết quả đối sánh đó như thế nào? (chuẩn đối sánh được sử dụng là gì?)</p> <p>5. Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng không?</p> <p>6. Nhà trường có kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng không?</p> <p>7. Nhà trường có CSDL đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng không? Nội dung đánh giá đó thế nào?</p>	<p>1. Nhà trường có quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số thị trường giáo dục (chỉ số cạnh tranh, thứ hạng, thị phần...) của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng không? Quy định thể hiện ở những văn bản nào? Nội dung chính của quy định là gì?</p> <p>2. Nhà trường có hệ thống giám sát về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng không? Hệ thống đó bao gồm những bộ phận nào tham gia? Quy trình, công cụ, cơ chế giám sát?</p> <p>3. Nhà trường có thực hiện đối sánh về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; thực hiện rà soát, điều chỉnh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm không? Chuẩn đối sánh được sử dụng là gì – từ nguồn nào? Kết quả đối sánh thế nào?</p> <p>4. Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng không? Kết quả phản hồi như thế nào?</p> <p>5. Nhà trường có kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng không? Lĩnh vực nào Nhà trường đưa vào kế hoạch cải tiến chất lượng? Giải pháp là gì?</p> <p>6. Nhà trường có CSDL đánh giá về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng không? Cơ sở dữ liệu đó được quản lý bằng phần mềm nào, do bộ phận đầu mối nào quản lý?</p>
<p>Evidences Tên các minh chứng ứng với phần trả lời câu hỏi chẩn đoán (liệt kê tên, và nên có file MC kèm theo) (8)</p>	<p>- Các văn bản quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số thị trường giáo dục (chỉ số cạnh tranh, thứ hạng, thị phần...) của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng (Chiến lược phát triển, các kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch năm học...)</p> <p>- Báo cáo tài chính*</p> <p>- Báo cáo của tổ chức kiểm toán</p> <p>- Các tuyên bố tài chính</p> <p>- Các báo cáo và khuyến cáo của cơ quan chủ quản và cơ quan kiểm toán, thanh tra tài chính</p> <p>- Số liệu thống kê doanh thu và chi phí từ các mảng hoạt động: ĐT, NCKH, PVCD</p> <p>- Biên bản họp hội đồng trường/ Hội đồng quản trị</p> <p>- Báo cáo phân tích dữ liệu và tổng hợp về khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan (từng năm, trong giai đoạn 5 năm đánh giá)</p> <p>- Quy chế tổ chức, hoạt động của Nhà trường; Kế hoạch, nhiệm vụ năm học của Nhà trường, của bộ phận đầu mối thực hiện giám sát các kết quả.</p> <p>- Báo cáo đối sánh</p>	<p>- Các văn bản quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số thị trường giáo dục (chỉ số cạnh tranh, thứ hạng, thị phần...) của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng (Chiến lược phát triển, các kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch năm học...)</p> <p>- Xếp hạng quốc gia và quốc tế *</p> <p>- Số liệu thống kê (chuỗi số liệu 5 năm) về: 1. Tuyển sinh và đào tạo, tỷ lệ tốt nghiệp có việc làm phù hợp và tự tạo việc làm sau 1 năm tốt nghiệp; 2. Kết quả NCKH, chuyển giao công nghệ và khởi nghiệp; 3. Kết quả, đóng góp trong kết nối, PVCD*</p> <p>- Kết quả về đánh giá, ghi nhận của các Bộ, ngành, các đối tác</p> <p>- Kết quả nhận xét, đánh giá và sự hài lòng của các bên liên quan đối với các hoạt động trên của nhà trường</p> <p>- Quy chế tổ chức, hoạt động của Nhà trường; Kế hoạch, nhiệm vụ năm học của Nhà trường, của bộ phận đầu mối thực hiện giám sát các kết quả.</p> <p>- Báo cáo đối sánh</p>
<p>Interview Phòng vấn các bên liên quan (Check các thông tin phục vụ trả lời cho</p>	<p>- Lãnh đạo Nhà trường đánh giá về các kết quả đạt được và chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; cải tiến chất lượng</p> <p>- Lãnh đạo các bộ phận chức năng liên quan về việc thực hiện giám sát, đối sánh kết quả và các chỉ số</p>	<p>- Lãnh đạo Nhà trường đánh giá về các kết quả đạt được và các chỉ số thị trường giáo dục (chỉ số cạnh tranh, thứ hạng, thị phần...) của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; cải tiến chất lượng</p>

© Bản quyền thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHQGHN

Tiêu chí	25.1	25.2
câu hỏi chẩn đoán) (9)	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên, người học về sự hài lòng với các kết quả đạt được và chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng - Nhà tuyển dụng/sử dụng lao động về kết quả đào tạo qua chất lượng người học tốt nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo các bộ phận chức năng liên quan về việc thực hiện giám sát, đối sánh kết quả và các chỉ số - Giảng viên, cựu người học về sự hài lòng với các kết quả đạt được và các chỉ số thị trường giáo dục - Nhà tuyển dụng/sử dụng lao động về kết quả đào tạo qua chất lượng người học tốt nghiệp
Quan sát (Check các thông tin phục vụ trả lời cho câu hỏi chẩn đoán) (10)	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ số về tài chính: Nguồn thu, nguồn chi; tỷ lệ % các khoản chi; cơ cấu nguồn thu. - Bảng cân đối tài chính hàng năm; - Phương án cân đối tài chính phù hợp với sứ mạng, chiến lược của Nhà trường - Thông tin qua phỏng vấn các bên liên quan về các kết quả hoạt động, các nguồn thu, chi - Báo cáo tổng kết hoạt động tài chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Dữ liệu về kết quả đào tạo: Quy mô tuyển sinh, tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên có việc làm... - Dữ liệu về kết quả NCKH: Tổng số đề tài các cấp; tổng số bài báo, công bố KH trong/ngoài nước; hội thảo khoa học... - Dữ liệu về hoạt động phục vụ cộng đồng: Các hoạt động tình nguyện của các tổ chức đoàn thể - Các kết quả về thi đua, khen thưởng được Nhà nước, địa phương, ngành tặng thưởng, ghi nhận
Tiêu chí liên quan (chuyên gia xem xét các tiêu chí liên quan khác để check thông tin và điểm số) (11)	<p>Tiêu chuẩn 7: 7.1, 7.2, 7.3, 7.4</p> <p>Tiêu chuẩn 22: 22.1, 22.2, 22.3</p> <p>Tiêu chuẩn 23: 23.1, 23.2, 23.2, 23.4, 23.5</p> <p>Tiêu chuẩn 24: 24.1, 24.2, 24.3, 24.4</p>	<p>Tiêu chuẩn 7: 7.1, 7.2, 7.3, 7.4</p> <p>Tiêu chuẩn 22: 22.1, 22.2, 22.3</p> <p>Tiêu chuẩn 23: 23.1, 23.2, 23.2, 23.4, 23.5</p> <p>Tiêu chuẩn 24: 24.1, 24.2, 24.3, 24.4</p>
Kinh nghiệm trong quá trình ĐGN (12)	<p>Phản ứng, mức độ đáp ứng và sẵn có của Nhà trường khi cung cấp cơ sở dữ liệu và quản lý CSDL liên quan tới các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà trường để thấy được Nhà trường có hệ thống giám sát các chỉ tiêu, kết quả không, nếu có thì ở mức độ nào.</p>	<p>Phản ứng, mức độ đáp ứng và sẵn có của Nhà trường khi cung cấp cơ sở dữ liệu và quản lý CSDL liên quan tới các chỉ số thị trường giáo dục của Nhà trường để thấy được Nhà trường có hệ thống giám sát các chỉ tiêu, kết quả không, nếu có thì ở mức độ nào.</p>
Các thực hành tốt, đối sánh quốc tế (13)	<ul style="list-style-type: none"> - Bên cạnh các kết quả và hiệu quả tài chính từ đào tạo, nguồn thu từ NCKH, trong đó có chuyển giao công nghệ, thương mại hóa ngày càng trở nên quan trọng và tăng nhanh trong các CSGD ĐH - Bên cạnh ĐT, NCKH, trường ĐH ngày nay còn sứ mệnh thứ 3: chuyển giao tri thức; và hướng đến sứ mệnh thứ 4: khởi nghiệp, phát triển kinh doanh theo mô hình ""khởi nghiệp gắn với đổi mới, sáng tạo" - 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của các bên liên quan luôn là biểu hiện quan trọng và thể hiện việc thực hiện tốt sứ mệnh của CSGD ĐH - Tham gia các xếp hạng và thể hiện tính cạnh tranh quốc gia và quốc tế là xu hướng mà nhiều trường ĐH tham gia